

Số: 28 /CCT-TCHC

Cần Thơ, ngày 25 tháng 2 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
- Mã chứng khoán: CCT
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: +84 2926 516483 Fax: +84 2923 917395
- Người thực hiện công bố thông tin: Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Dương Yên Nhi
- Loại thông tin công bố: Định kỳ
- Địa chỉ website đăng tải thông tin: <http://canthoport.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính năm 2025.
 - Công văn giải trình giải trình liên quan đến BCTC năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGĐ, PTGD;
- Kế toán trưởng;
- Lưu: VT.TCHC.TK

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Nguyễn Dương Yên Nhi

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, Khu vực Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28/11/2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 30/09/2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 2, Khu vực Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Phan Nhân Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Nguyễn Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Hoàng Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/03/2025
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/03/2025
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Cảnh Hiệp	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Phí Huyền Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Trần Phương Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2025 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Hà - Tổng Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 và đến ngày 03/02/2026 là Ông Lâm Trúc Sơn, phụ trách kế toán của Công ty trong giai đoạn từ ngày 04/02/2026 đến thời điểm lập Báo cáo này là Bà Thái Thị Mỹ Linh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,





Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 09 /2026/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24/02/2026, từ trang 07 đến trang 39 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang theo dõi giá trị công trình Cảng Cái Cui, giai đoạn I tại chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng cân đối kế toán (Thuyết minh số 13) với số tiền 39,4 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 42,4 tỷ đồng). Trong đó, hạng mục “San lấp mặt bằng, kè bảo vệ bờ dọc sông Hậu và kè bảo vệ bờ dọc Cảng Cái Cui” thuộc dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I có một phần giá trị 5,7 tỷ đồng được thực hiện trên diện tích hiện giờ thuộc quỹ đất dự phòng của UBND Thành phố Cần Thơ quản lý. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty đang trong quá trình làm việc để quyết toán lại phần chi phí đã thực hiện trên với UBND Thành phố Cần Thơ, do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 13 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, “Dự án xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I” được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 230,3 tỷ đồng, diện tích thực hiện 23,4 ha; “Dự án xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II” được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Trong đó, Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án để sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Nguyễn Thị Thùy Trang
Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4710-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Hà Thị Thanh Thúy

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4707-2024-112-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.225.515.231	100.129.501.249
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.770.094.913	36.371.971.943
Tiền	111		15.921.971.120	15.642.645.058
Các khoản tương đương tiền	112		33.848.123.793	20.729.326.885
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.102.543.454	24.891.034.137
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.1	13.102.543.454	24.891.034.137
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.708.090.062	37.978.367.956
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	35.967.287.821	41.791.138.725
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	4.492.583.590	2.941.699.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	4.997.328.570	6.705.565.028
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(14.749.109.919)	(13.460.035.117)
Hàng tồn kho	140	12	496.652.144	561.760.776
Hàng tồn kho	141		496.652.144	561.760.776
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.148.134.658	326.366.437
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.148.134.658	326.366.437
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.079.566.299	260.946.426.647
Các khoản phải thu dài hạn	210		57.000.000	72.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	57.000.000	72.000.000
Tài sản cố định	220		204.262.605.051	194.970.029.387
Tài sản cố định hữu hình	221	14	199.909.024.929	190.744.938.490
- Nguyên giá	222		496.732.121.345	478.400.969.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(296.823.096.416)	(287.656.031.027)
Tài sản cố định vô hình	227	15	4.353.580.122	4.225.090.897
- Nguyên giá	228		8.373.553.602	8.055.335.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.019.973.480)	(3.830.244.705)
Tài sản dở dang dài hạn	240		49.018.612.967	60.567.592.771
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	49.018.612.967	60.567.592.771
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.274.373.443	4.274.373.443
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.2	4.497.251.573	4.497.251.573
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(222.878.130)	(222.878.130)
Tài sản dài hạn khác	260		3.466.974.838	1.062.431.046
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	3.466.974.838	1.062.431.046
TỔNG TÀI SẢN	270		356.305.081.530	361.075.927.896

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		83.385.821.519	93.460.658.344
Nợ ngắn hạn	310		33.603.287.521	34.258.275.660
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	9.241.971.876	17.043.681.678
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.176.089.948	324.494.719
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.285.260.730	1.555.541.797
Phải trả người lao động	314		6.606.158.615	2.457.738.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.706.913.552	267.374.534
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		60.000.000	61.975.338
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.518.408.377	5.816.372.010
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	10.000.000.000	6.722.612.480
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.484.423	8.484.423
Nợ dài hạn	330		49.782.533.998	59.202.382.684
Phải trả dài hạn khác	337	20	36.197.212.470	32.333.061.156
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	13.585.321.528	26.869.321.528
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		272.919.260.011	267.615.269.552
Vốn chủ sở hữu	410	21	272.919.260.011	267.615.269.552
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.281.179.597	275.281.179.597
Quỹ đầu tư phát triển	418		646.231.180	646.231.180
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.008.150.766)	(8.312.141.225)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.312.141.225)	(11.960.927.893)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.303.990.459	3.648.786.668
TỔNG NGUỒN VỐN	440		356.305.081.530	361.075.927.896

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Thái Thị Mỹ Linh

Thái Thị Mỹ Linh



Nguyễn Mạnh Hà

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	190.150.504.400	156.103.579.385
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		190.150.504.400	156.103.579.385
Giá vốn hàng bán	11	24	161.907.097.644	124.519.648.008
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.243.406.756	31.583.931.377
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.731.194.123	1.269.626.836
Chi phí tài chính	22	26	906.165.361	1.507.450.743
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		906.165.361	1.283.287.028
Chi phí bán hàng	25	27	172.479.715	410.270.770
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	22.176.329.287	24.706.006.810
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.719.626.516	6.229.829.890
Thu nhập khác	31	28	1.744.156.427	103.608.148
Chi phí khác	32	29	383.214.717	831.077.423
Lợi nhuận khác	40		1.360.941.710	(727.469.275)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.080.568.226	5.502.360.615
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.776.577.767	1.853.573.947
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.303.990.459	3.648.786.668
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70,71	32	193	133

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Thái Thị Mỹ Linh

Thái Thị Mỹ Linh

Nguyễn Mạnh Hà



Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		8.080.568.226	5.502.360.615
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.222.427.845	14.569.393.395
Các khoản dự phòng	03		1.289.074.802	4.835.502.112
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.393.269)	(1.989.386)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.994.362.764)	(1.267.637.450)
Chi phí lãi vay	06		906.165.361	1.283.287.028
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.502.480.201	24.920.916.314
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		7.280.043.847	2.333.899.298
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		65.108.632	363.350.023
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		9.397.995.529	2.817.238.785
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(3.226.312.013)	2.183.132.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.582.591.919)	(1.914.305.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.436.724.277	30.704.231.850
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26.452.470.478)	(335.115.740)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.542.812.080	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.838.859.317)	(11.320.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.627.350.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.087.785.619	1.267.637.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.033.382.096)	(10.387.478.290)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.006.612.480)	(6.716.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.006.612.480)	(6.716.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.396.729.701	13.600.753.560
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	36.371.971.943	22.769.228.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.393.269	1.989.386
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	49.770.094.913	36.371.971.943

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Thái Thị Mỹ Linh

Thái Thị Mỹ Linh

Nguyễn Mạnh Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28/11/2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 30/09/2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 2, Khu vực Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 275.281.179.597 đồng, chia thành 27.528.118 cổ phần, với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 120 người (tại ngày 01/01/2025 là 123 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hoá đường bộ, bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, khai thuế hải quan; và
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Cần Thơ. Địa chỉ tại số 27 Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 CÁC LOẠI TỶ GIÁ ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của Bảng Cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Quyền sử dụng đất	20 - 50
- Phần mềm vi tính	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 05

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.10 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.12 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

4.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

4.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

4.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu của Công ty bao gồm:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.19 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	951.659.744	3.419.797.588
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.970.311.376	12.222.847.470
- Các khoản tương đương tiền (*)	33.848.123.793	20.729.326.885
Cộng	49.770.094.913	36.371.971.943

(*) Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng của Công ty, lãi suất từ 3,8% đến 4,6%/năm.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.148.134.658	326.366.437
- Chi phí bảo hiểm	38.371.017	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	233.475.000	194.725.032
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	784.221.975	15.100.308
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	92.066.666	116.541.097
b) Dài hạn	3.466.974.838	1.062.431.046
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	163.674.243	101.223.037
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2.799.125.657	521.113.868
- Chi phí bảo hiểm	460.604.984	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	43.569.954	440.094.141
Cộng	4.615.109.496	1.388.797.483

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÀN THƠ
Số 2, Khu vực Phú Thăng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

7.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	13.102.543.454	13.102.543.454	24.891.034.137	24.891.034.137
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.102.543.454	13.102.543.454	24.891.034.137	24.891.034.137
Cộng	13.102.543.454	13.102.543.454	24.891.034.137	24.891.034.137

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với lãi suất từ 4%/năm đến 4,75%/năm.

7.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Căng Càn Thơ	4.497.251.573	(222.878.130)	4.497.251.573	(222.878.130)
- Thanh Tuấn				
Cộng	4.497.251.573	(222.878.130)	4.497.251.573	(222.878.130)

Tại ngày 31/12/2025, số vốn công ty đang sử dụng để đầu tư vào Công ty TNHH Căng Càn Thơ - Thanh Tuấn là 4.497.251.573 đồng với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Vĩnh Long; hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Số 2, Khu vực Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Minh Hoàng Logistics	3.528.431.261	-	-	-
- Công ty Cổ phần Than Khoáng Sản Duyên Hải	3.492.315.281	-	-	-
- Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí	2.602.172.880	-	2.061.489.250	-
- CTCP	2.338.754.832	-	2.989.568.982	-
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	1.271.551.525	(1.271.551.525)	1.271.551.525	(1.271.551.525)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Dầu tư Trường Sơn	1.079.887.647	-	8.872.906.648	-
- Công ty TNHH Duyên Hải Star	-	-	4.778.389.870	-
- Công ty Nhiệt điện duyên hải - Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1	21.654.174.395	(8.142.175.401)	21.817.232.450	(8.140.435.401)
- Các khách hàng khác	35.967.287.821	(9.413.726.926)	41.791.138.725	(9.411.986.926)
Cộng	1.780.139.764	-	2.378.967.527	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.780.139.764	-	2.378.967.527	-
- Công ty Cổ phần Vận Tải Container VIMC				

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cầu Cần Thơ	1.613.305.800	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu cần	899.969.091	-	411.160.000	(625.500.000)
- Công ty TNHH Quán Đò	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(471.000.000)
- Công ty TNHH Quán Đò	1.353.808.699	(740.569.620)	1.905.039.320	(1.096.500.000)
- Các đối tượng khác	4.492.583.590	(1.366.069.620)	2.941.699.320	-
Cộng				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	4.997.328.570	(3.912.313.373)	6.705.565.028	(2.894.548.191)
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	154.250.000	(154.250.000)	154.250.000	(154.250.000)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	275.197.387	-	633.182.152	-
- Tạm ứng	1.016.019.766	(955.707.766)	1.788.584.180	(608.207.766)
- Ký cược, ký quỹ	53.600.000	-	304.000.000	-
- Phải thu đội thi công vét than tại Trà Vinh	1.226.866.957	(1.226.866.957)	1.526.866.957	(546.641.775)
- Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	1.292.837.944	(1.292.837.944)	1.279.187.137	(1.279.187.137)
- Phải thu khác	978.556.516	(282.650.706)	1.019.494.602	(306.261.513)
b) Dài hạn	57.000.000	(57.000.000)	72.000.000	(57.000.000)
- Ký cược, ký quỹ	-	-	15.000.000	-
- Phải thu khác	57.000.000	(57.000.000)	57.000.000	(57.000.000)
Cộng	5.054.328.570	(3.969.313.373)	6.777.565.028	(2.951.548.191)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	11.111.335.274	1.697.608.348	9.411.986.926	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.271.551.525	-	1.271.551.525	-
- Các khoản khác	9.839.783.749	1.697.608.348	8.140.435.401	-
Trả trước cho người bán	1.366.069.620	-	1.110.500.000	14.000.000
- Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Miền Nam	278.000.000	-	278.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	-	625.500.000	-
- Các khoản khác	462.569.620	-	207.000.000	14.000.000
Phải thu khác	3.992.313.373	23.000.000	2.989.548.191	38.000.000
- Các khoản tạm ứng	978.707.766	23.000.000	646.207.766	38.000.000
+ <i>Huyện Minh Đoàn</i>	464.490.201	20.000.000	482.490.201	38.000.000
+ <i>Trần Thị Hồng Thơm</i>	163.717.565	-	163.717.565	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	350.500.000	3.000.000	347.500.000	-
- Các khoản phải thu khác	3.013.605.607	-	2.343.340.425	-
+ <i>Ngô Thị Kim Phi</i>	486.219.212	-	486.219.212	-
+ <i>Công ty TNHH Thạnh Phương</i>	300.000.000	-	300.000.000	-
+ <i>Các khoản khác</i>	2.227.386.395	-	1.557.121.213	-
Cộng	16.469.718.267	1.720.608.348	13.512.035.117	52.000.000
				(13.460.035.117)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	212.726.526	-	70.169.408	-
- Công cụ, dụng cụ	283.925.618	-	284.375.618	-
- Hàng hóa	-	-	207.215.750	-
Cộng	496.652.144	-	561.760.776	-

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	39.493.818.401	39.493.818.401	42.404.035.793	42.404.035.793
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475
- Công trình khác	876.969.091	876.969.091	9.515.731.503	9.515.731.503
Cộng	49.018.612.967	49.018.612.967	60.567.592.771	60.567.592.771

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ;

- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;

- Địa điểm xây dựng: Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam;

- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: từ năm 2002 đến năm 2011;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP)

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (tiếp)

Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2025: Dự án đã hoàn thành, đưa vào khai thác và tăng tài sản đối với phần diện tích 9,5 ha (Công ty đã tạm ghi tăng các tài sản):

- Kho 1: nguyên giá tài sản là 3.711.034.531 đồng; trích khấu hao từ 11/2008
- Kho 2: nguyên giá tài sản là 834.727.273 đồng; trích khấu hao từ 1/2011
- Kho 5: nguyên giá tài sản là 2.529.163.636 đồng; trích khấu hao từ 6/2013
- Bãi chứa hàng Container, bãi chờ xe; nguyên giá Tài sản là 34.464.811.016; trích khấu hao 11/2008.
- Kho 4: nguyên giá Tài sản là 790.566.666 đồng; trích khấu hao từ 07/2022
- Nhà văn phòng; nguyên giá tài sản là 4.137.929.619 đồng; trích khấu hao từ 11/2008
- Cầu tàu và kê bảo vệ sau cầu tàu; nguyên giá tài sản là 41.804.814.393 đồng; trích khấu hao từ 11/2008

Đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng.

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000 DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2025: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ. Theo quyết định số 57/QĐ-HHVN ngày 05/02/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giao tài sản và vốn của Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I và II cho Công ty TNHH MTV Cảng Cái Cui (sau này là Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ). Hiện tại, Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ HH khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Tại 01/01/2025	397.419.938.115	18.228.666.555	59.715.585.561	1.554.886.000	1.481.893.286	478.400.969.517					
- Mua trong năm	5.063.399.753	8.567.946.111	10.359.189.815	194.000.000	290.500.000	24.475.035.679					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(563.767.242)	(5.580.116.609)	-	-	(6.143.883.851)					
Tại 31/12/2025	402.483.337.868	26.232.845.424	64.494.658.767	1.748.886.000	1.772.393.286	496.732.121.345					
HAO MÔN LŨY KẾ											
Tại 01/01/2025	(221.005.180.862)	(11.228.464.060)	(53.387.030.156)	(1.131.882.597)	(903.473.352)	(287.656.031.027)					
- Thanh lý, nhượng bán	-	460.621.274	5.405.012.407	-	-	5.865.633.681					
- Khấu hao trong năm	(10.953.738.267)	(1.186.502.086)	(2.477.722.382)	(209.150.652)	(205.585.683)	(15.032.699.070)					
- Phân loại lại	(124.542.828)	-	124.542.828	-	-	-					
Tại 31/12/2025	(232.083.461.957)	(11.954.344.872)	(50.335.197.303)	(1.341.033.249)	(1.109.059.035)	(296.823.096.416)					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại 01/01/2025	176.414.757.253	7.000.202.495	6.328.555.405	423.003.403	578.419.934	190.744.938.490					
Tại 31/12/2025	170.399.875.911	14.278.500.552	14.159.461.464	407.852.751	663.334.251	199.909.024.929					

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 7.523.640.758 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 3.131.520.237 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 109.096.487.352 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 110.707.508.112 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	7.803.335.602	252.000.000	-	8.055.335.602
- Mua trong năm	-	246.688.000	71.530.000	318.218.000
Tại 31/12/2025	7.803.335.602	498.688.000	71.530.000	8.373.553.602
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại 01/01/2025	(3.578.244.705)	(252.000.000)	-	(3.830.244.705)
- Khấu hao trong năm	(150.887.808)	(28.111.467)	(10.729.500)	(189.728.775)
Tại 31/12/2025	(3.729.132.513)	(280.111.467)	(10.729.500)	(4.019.973.480)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	4.225.090.897	-	-	4.225.090.897
Tại 31/12/2025	4.074.203.089	218.576.533	60.800.500	4.353.580.122

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 252.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 252.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2025		Trong năm		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	13.354.964.625	10.077.577.105	6.722.612.480	6.722.612.480
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	10.000.000.000	13.354.964.625	10.077.577.105	6.722.612.480	6.722.612.480
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	13.284.000.000	10.000.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
- Các đối tượng khác	-	-	70.964.625	77.577.105	6.612.480	6.612.480
b) Vay dài hạn	13.585.321.528	13.585.321.528	-	13.284.000.000	26.869.321.528	26.869.321.528
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (*)	13.585.321.528	13.585.321.528	-	13.284.000.000	26.869.321.528	26.869.321.528
Cộng	23.585.321.528	23.585.321.528	13.354.964.625	23.361.577.105	33.591.934.008	33.591.934.008

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 đồng và nợ lãi là 18.800.643.932 đồng, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;

+ Tổng số tiền vay: 75.217.321.528 đồng;

+ Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2025 còn lại là: 23.585.321.528 đồng;

+ Mục đích vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDH/HTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II";

+ Thời hạn của hợp đồng: 10 năm;

+ Lãi suất cho vay: kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm; các kỳ tiếp theo được xác định định kỳ 01 năm điều chỉnh một lần vào ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi;

+ Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết lịch trả nợ như sau:

- Trong vòng một năm
 - Trong năm thứ hai
 - Từ năm thứ ba đến năm thứ năm
- Cộng**
- Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng
(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)
Số phải trả sau 12 tháng

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
	10.000.000.000	6.722.612.480
	10.000.000.000	13.284.000.000
	3.585.321.528	13.585.321.528
	23.585.321.528	33.591.934.008
	(10.000.000.000)	(6.722.612.480)
	13.585.321.528	26.869.321.528

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

- Ngắn hạn
- Công ty TNHH Minh Hoàng Logistics
- Công ty TNHH Cơ khí Minh Nam
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Công ty TNHH Duyên hải Star
- Công ty Cổ phần Than khoáng sản Duyên Hải
- Các nhà cung cấp khác

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	9.241.971.876	9.241.971.876	17.043.681.678	17.043.681.678
	2.159.230.068	2.159.230.068	-	-
	2.127.035.006	2.127.035.006	741.470.779	741.470.779
	1.207.135.804	1.207.135.804	1.165.339.708	1.165.339.708
	38.836.666	38.836.666	2.388.965.767	2.388.965.767
	-	-	3.639.183.493	3.639.183.493
	3.709.734.332	3.709.734.332	9.108.721.931	9.108.721.931
	9.241.971.876	9.241.971.876	17.043.681.678	17.043.681.678

Cộng

- Phải trả người bán là các bên liên quan
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC

	1.405.705.804	1.405.705.804	3.155.227.708	3.155.227.708
	1.207.135.804	1.207.135.804	1.165.339.708	1.165.339.708
	198.570.000	198.570.000	648.000.000	648.000.000
	-	-	1.341.888.000	1.341.888.000
	3.611.411.608	3.611.411.608	6.110.355.416	6.110.355.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Tại 01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	552.860.750	2.669.808.851	3.029.459.381	912.511.280
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.732.384.239	2.776.577.767	1.680.771.198	636.577.670
- Thuế thu nhập cá nhân	15.741	65.766.425	72.203.531	6.452.847
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	5.572.022.652	5.572.022.652	-
- Các loại thuế khác	-	107.134.728	107.134.728	-
Cộng	2.285.260.730	11.191.310.423	10.461.591.490	1.555.541.797

Số thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ trong năm 2025 là 12.377.733.862 đồng.

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Ngắn hạn	1.706.913.552	267.374.534
- Chi phí tiền điện	291.101.612	267.374.534
- Chi phí nhân công	818.766.409	-
- Chi phí khác	597.045.531	-
Cộng	1.706.913.552	267.374.534

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Ngắn hạn	2.518.408.377	5.816.372.010
- Kinh phí công đoàn	22.793.108	114.674.410
- Bảo hiểm xã hội	-	206.520.649
- Bảo hiểm y tế	441.118	37.122.189
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	16.197.698
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.332.924.650	1.520.684.450
- Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	987.359.052	3.678.345.005
+ <i>Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)</i>	-	2.597.985.953
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chi hộ (*)</i>	987.359.052	971.359.052
+ <i>Các khoản phải trả khác của Tổng Công ty</i>	-	109.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	174.890.449	242.827.609
Dài hạn	36.197.212.470	32.333.061.156
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.099.278.200	2.739.278.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	13.074.416.168	9.570.264.854
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (***)	20.023.518.102	20.023.518.102
Cộng	38.715.620.847	38.149.433.166
Phải trả khác là các bên liên quan	14.061.775.220	13.248.609.859
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	14.061.775.220	13.248.609.859

(*) Khoản phải trả Tổng Công ty chi hộ được ghi nhận theo Công văn số 1385/HHVN-TCKT ngày 02/07/2021, trên cơ sở biên bản kiểm tra thuế tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

(**) Khoản phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh theo phụ lục số 04 ngày 02/06/2025 gia hạn thanh toán lãi tới năm 2027.

(***) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	275.281.179.597	646.231.180	(11.960.927.893)	263.966.482.884
- Lãi trong năm trước	-	-	3.648.786.668	3.648.786.668
Tại 31/12/2024	275.281.179.597	646.231.180	(8.312.141.225)	267.615.269.552
Tại 01/01/2025	275.281.179.597	646.231.180	(8.312.141.225)	267.615.269.552
- Lãi trong năm nay	-	-	5.303.990.459	5.303.990.459
Tại 31/12/2025	275.281.179.597	646.231.180	(3.008.150.766)	272.919.260.011

21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2025	Tỷ lệ	Tại 01/01/2025	Tỷ lệ
	VND		VND	
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597	99,01%
- Các cổ đông khác	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000	0,99%
Cộng	275.281.179.597	100,00%	275.281.179.597	100,00%

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 10 là 275.281.179.597 đồng. Vốn điều lệ đã được Công ty góp đầy đủ.

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
+ Vốn góp cuối năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

22.1 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/08/2007 đến ngày 18/08/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/09/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

22.2 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	1.676,12	1.682,72

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán hàng	1.101.077.279	8.792.040.115
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	189.049.427.121	147.311.539.270
Cộng	190.150.504.400	156.103.579.385

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết thuyết minh số 34

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	1.079.676.086	8.537.545.491
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	160.827.421.558	115.982.102.517
Cộng	161.907.097.644	124.519.648.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.729.800.854	1.267.637.450
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	1.393.269	1.989.386
Cộng	1.731.194.123	1.269.626.836

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	906.165.361	1.283.287.028
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.285.585
- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư khác	-	222.878.130
Cộng	906.165.361	1.507.450.743

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng (*)	172.479.715	410.270.770
- Chi phí nhân viên	-	203.169
- Chi phí khấu hao TSCĐ	97.479.715	116.528.923
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.000.000	244.594.234
- Chi phí bằng tiền khác	-	48.944.444
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	22.176.329.287	24.706.006.810
- Chi phí nhân viên quản lý	10.150.227.255	10.580.467.807
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	360.608.794	454.350.667
- Chi phí đồ dùng văn phòng	90.806.815	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	840.773.490	684.885.233
- Thuế, phí và lệ phí	109.056.371	98.405.828
- Chi phí dự phòng	1.289.074.802	4.612.623.982
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.812.537.551	3.835.453.759
- Chi phí bằng tiền khác	4.523.244.209	4.439.819.534
Cộng	22.348.809.002	25.116.277.580

(*) Trong năm 2025, Công ty chuyển đổi kinh doanh xăng dầu sang cho thuê dẫn đến chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ, đồ dùng không phát sinh.

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.264.561.909	-
- Các khoản khác	479.594.518	103.608.148
Cộng	1.744.156.427	103.608.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí hao hụt vận chuyển	93.506.370	102.536.780
- Các khoản bị phạt, bồi thường	288.907.269	326.677.329
- Các khoản chi phí khác	801.078	401.863.314
Cộng	383.214.717	831.077.423

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	4.223.748.159	5.279.196.056
- Chi phí nhân công	34.952.682.394	33.090.520.959
- Chi phí công cụ dụng cụ	651.787.447	329.386.436
- Thuế, phí, lệ phí	109.056.371	98.405.828
- Chi phí dự phòng	1.289.074.802	4.612.623.982
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.222.427.845	14.569.393.395
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.253.203.000	70.626.880.957
- Chi phí khác bằng tiền	17.813.398.136	10.656.616.700
Cộng	182.515.378.154	139.263.024.313

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.080.568.226	5.502.360.615
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	5.802.320.610	3.765.509.117
Các khoản điều chỉnh tăng	5.802.320.610	3.765.509.117
+ Chi phí không hợp lệ	5.802.320.610	3.765.509.117
Thu nhập tính thuế TNDN	13.882.888.836	9.267.869.732
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.776.577.767	1.853.573.947

32. LÃI CƠ BẢN/ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.303.990.459	3.648.786.668
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	193	133

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12/2025 nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan:

Công ty	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Công ty con cùng Tổng Công ty
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng Tổng Công ty
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con cùng Tổng Công ty
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con cùng Tổng Công ty
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	Công ty con cùng Tổng Công ty
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hậu Giang	Công ty con cùng Tổng Công ty
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	10.709.852.668	8.014.746.937
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	396.129.900	396.129.900
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	2.670.306.961
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	51.050.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	-	360.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	9.217.573.918	3.662.402.760
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hậu Giang	1.045.098.850	1.285.547.316
Chi phí lãi vay	906.165.361	1.283.287.028
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	906.165.361	1.283.287.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch bên liên quan: (tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng	5.054.731.583	8.116.458.228
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.567.887.761	2.492.646.607
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	1.346.703.703
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	398.161.255
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	-	534.647.035
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC tại Hải Phòng	782.750.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	144.000.000	192.000.000
- Ban quản lý dự án Chuyên ngành Hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	35.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hậu Giang	1.310.821.970	674.810.739
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	-	1.242.488.889
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật TMDV Cảng Sài Gòn	245.000.000	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần tại Hải Phòng	1.851.852	-
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	2.420.000	-

Số dư bên liên quan: chi tiết xem thuyết minh số 8, số 17 và số 20

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	84.000.000
- Ông Lâm Tiến Dũng	Phó chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	90.000.000
- Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	90.000.000	60.000.000
- Ông Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
- Ông Phan Nhân Thảo	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
- Ông Nguyễn Hoài An	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
- Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	570.000.000	405.000.000
- Ông Nguyễn Cảnh Hiệp	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	-
- Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban kiểm soát (Đã miễn nhiệm)	-	15.000.000
- Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát	78.000.000	57.000.000
- Bà Phí Huyền Ngân	Thành viên Ban kiểm soát	72.000.000	36.000.000
- Bà Nguyễn Trần Phương Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	36.000.000
- Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng giám đốc	420.000.000	300.000.000
- Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	75.000.000
Cộng		1.608.000.000	1.278.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.2 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đã được kiểm toán.

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2026

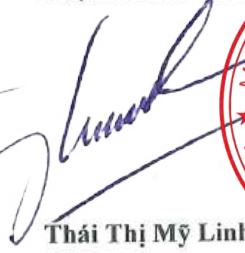
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Thái Thị Mỹ Linh



Thái Thị Mỹ Linh



Nguyễn Mạnh Hà